

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 126/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28 -12- 2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý;
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Minh T, sinh năm: 1976; địa chỉ: số 23, Đại lộ D, khu 7, phường P, thành phố M, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1971; địa chỉ: số 23, Đại lộ D, khu 7, phường P, thành phố M, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lương Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Minh T và ông Nguyễn Đình H kết hôn với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh B. Hôn nhân của bà T và ông H trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống, bà T và ông H đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể giải quyết được, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H gia trưởng, không quan tâm đến đời sống vật chất cũng như tinh thần của vợ và con, thường xuyên có những lời lẽ thô tục chửi mắng bà T. Bà T đã cố gắng để hàn gắn tình cảm gia đình vì con còn nhỏ nhưng ông H vẫn không thay đổi. Tháng 11/2017, bà T đã khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H nhưng thời điểm này Tòa án đã hòa giải, khuyên ông, bà hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó bà T đã rút đơn ly hôn. Từ đó đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Tuy sống

chung nhà nhưng vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 14/02/2004, do con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đình Hg trình bày: Ông H thống nhất phần trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, ông T xác định quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, trước đây ông H có hay la mắng bà T nhưng nay thì không còn. Việc ông H không quan tâm gia đình là do ông H làm ăn, không có thời gian quan tâm chăm sóc vợ con. Ông H xác định vợ chồng sống chung nhà nhưng 07 năm nay không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc nhau nhưng ông H không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến con cái.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh B tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lương Minh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông Nguyễn Đình H vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân H, thành phố M, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 268, quyển số 02/2000, ngày 25/12/2000 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông H đều xác định ông, bà thường xuyên cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù hai người vẫn sống chung nhà nhưng 07 năm nay không còn quan hệ vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình tố tụng ông H xác định không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng tới con cái, không phải do ông vẫn còn tình cảm với bà T, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà T, ông H đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Do con chung đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Minh T đối với bị đơn ông Nguyễn Đình H về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Đình H.
- Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000910 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh B.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Bình Dương ;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND P.Phú Hòa, TP.TDM, BD;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

